

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-ĐDBQH ngày 13/3/2024 của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và Kế hoạch số 03/KH-ĐGS ngày 13/3/2024 giám sát chuyên đề "Việc báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định", UBND tỉnh Bình Định báo cáo kết quả việc thực hiện, như sau:

Phần I

KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Khái quát về đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương có liên quan đến thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

Bình Định là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung và trên trục lưu thông Bắc – Nam. Với vị trí địa lý đặc biệt đó nên Bình Định có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế miền Trung và Tây Nguyên. Mạng lưới giao thông trong tỉnh gồm có: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không. Về đường bộ có 05 tuyến Quốc lộ (QL1, 1D, 19, 19B và 19C) dài 344,4 km, 11 tuyến Tỉnh lộ dài 446,4km, 45 tuyến đường huyện dài 490,1km, đường đô thị dài 613,4km, đường giao thông nông thôn dài trên 9.650km và 207km đường chuyên dùng. Tuyến đường sắt chạy dọc tỉnh với tổng chiều dài là 158,4km, bao gồm tuyến chính Bắc – Nam và 01 tuyến nhánh nối vào TP.Quy Nhơn. Về đường thủy nội địa có vùng nội thủy dọc bờ biển dài 134km có diện tích khoảng 3.216 km², đầm Thị Nại khoảng 50,6 km², đầm Đề Gi rộng khoảng 16 km², khu du lịch Hàm Hồ diện tích mặt nước khoảng 0,1 km² (tổng diện tích khu du lịch 0,4 km²), Hồ Núi Một diện tích mặt nước khoảng 0,8 km² (tổng diện tích 12 km²), 4 con sông lớn tổng chiều dài 242km, gồm: sông Hà Thanh, sông La Tinh, sông Lại Giang và sông Kôn. Về đường biển có các bến cảng biển như: Cảng Quy Nhơn, Cảng Thị Nại, Tân cảng Quy Nhơn, Tân cảng Miền Trung; luồng hàng hải Quy Nhơn có tổng chiều dài tuyến luồng là 6,3km, chiều rộng 110m, cao độ đáy đạt -11,0m, vũng quay trở tàu rộng 300m, đủ điều kiện cho các tàu có trọng tải 50.000 DWT giảm tải ra vào luồng Quy Nhơn an toàn. Về đường hàng không có Cảng Hàng không Phù Cát; hiện tại, Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam đã đầu tư nâng cấp Cảng Hàng không

Phù Cát theo hướng sẽ trở thành Cảng hàng không quốc tế, công suất thiết kế 2,5 triệu hành khách/năm, có khả năng mở rộng để nâng công suất lên 4 triệu hành khách/năm.

2. Tác động, ảnh hưởng của việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo đảm TTATGT đến công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương

Trong giai đoạn 2009-2023, thực hiện chính sách pháp luật của nhà nước về đảm bảo TTATGT cùng với công cuộc đổi mới của đất nước nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng, lĩnh vực giao thông vận tải và bảo đảm TTATGT đã có bước phát triển đáng kể.

Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, đặc biệt là Quốc hội đã ban hành Luật Giao thông đường bộ (2008) cùng với đó là hệ thống văn bản quy phạm pháp luật triển khai, hướng dẫn cụ thể, chi tiết việc thực thi Luật Giao thông đường bộ. Với nỗ lực chung của cả hệ thống chính trị, Nhân dân trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định, công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư đúng mức, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh; phương tiện giao thông hiện đại hơn và ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng lên.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì tình hình TTATGT vẫn còn diễn biến phức tạp, tình trạng vi phạm pháp luật giao thông, phát triển hệ thống hạ tầng giao thông chưa theo kịp với tốc độ gia tăng phương tiện; cùng với ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người tham gia giao thông còn thấp, đã làm gia tăng nguy cơ mất an toàn giao thông và hệ quả là việc kiểm chế TNGT gặp khó khăn.

3. Tình hình TTATGT trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban ATGT tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể, chính trị- xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tích cực trong công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp, triển khai các giải pháp bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, tình hình TTATGT từ năm 2009 đến hết năm 2023 được duy trì ổn định, không xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông, không đua xe trái phép và những vấn đề phức tạp, nổi cộm khác về ATGT. Tai nạn giao thông trên địa bàn toàn tỉnh cơ bản được kiểm chế, cụ thể từ năm 2009 đến năm 2023 xảy ra 8.200 vụ, chết 3.199 người, bị thương 8.143 người (*Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo*).

Phần II

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TTATGT

A. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về đảm bảo trật tự ATGT đường bộ (từ ngày 01/7/2009 đến hết ngày 31/12/2023)

1. Ưu điểm

1.1. Ưu điểm nổi bật về kết quả đảm bảo trật tự ATGT

a) Được sự quan tâm chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, Ủy ban ATGT Quốc gia, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng chức năng, các ban, ngành, đoàn thể, chính trị xã hội trong công tác đảm bảo TTATGT trên địa bàn tỉnh.

b) Công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh được cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, phối hợp thực hiện và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân.

c) Ý thức chấp hành luật giao thông của người dân khi tham gia giao thông ngày càng được nâng lên.

d) Hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư; việc xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, các điểm bất cập có nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông cơ bản kịp thời.

đ) Các phương tiện tham gia giao thông ngày càng đạt tiêu chuẩn; công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện, công tác đào tạo sát hạch được thực hiện đúng quy trình, đúng quy định của pháp luật.

e) Công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về TTATGT được các lực lượng chức năng thường xuyên đổi mới về hình thức, phương pháp thực hiện; thường xuyên mở các đợt cao điểm và xử lý vi phạm theo chuyên đề, chú trọng các tuyến đường, địa bàn phức tạp về TTATGT.

1.2. Kết quả ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đảm bảo TTATGT đường bộ trên địa bàn tỉnh

a) Kết quả ban hành các văn bản quy phạm pháp luật: Giai đoạn từ năm 2009 đến 2023, UBND tỉnh đã ban hành 27 văn bản quy phạm pháp luật (*Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo*) và 412 văn bản chỉ đạo điều hành trong công tác quản lý nhà nước về TTATGT đường bộ nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm TTATGT, góp phần giảm thiểu tình trạng mất ATGT, xây dựng xã hội văn minh, an toàn và phát triển bền vững.

b) Kết quả tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đảm bảo TTATGT đường bộ được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương triển khai thực hiện thường xuyên với các giải pháp căn cơ, đồng bộ mang lại hiệu quả thiết thực.

1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị- xã hội trên địa bàn tỉnh trên cơ sở chức năng nhiệm vụ đã triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo đảm TTATGT với nhiều nội dung, hình thức đa dạng như: tổ chức 1.851 hội thi, diễn đàn về ATGT; xây dựng 1.177 phóng sự; đăng và cung cấp 12.798 tin, bài kịp thời cảnh báo TNGT, tuyên truyền hoạt động đảm bảo trật tự ATGT, gương người tốt, việc tốt, các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác đảm bảo trật tự ATGT; phát hành và cấp phát 6.660 đĩa CD, 86.249 tờ áp phích, 309.786 tờ rơi về ATGT, lắp đặt và treo 1.313 pano, băng rôn, phướn cảnh báo về giao thông; trao tặng 98.320 mũ bảo hiểm; cấp phát nước giải khát và khăn lạnh cho 30.342 lái xe ô tô khách vào các khung giờ trưa, khuya vắng giúp lái xe tỉnh táo khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông qua địa bàn tỉnh Bình Định;...

Mặt khác, tại các cuộc giao ban báo chí hàng tháng do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, thường xuyên nhắc nhở các cơ quan báo chí đổi mới phương pháp tuyên truyền, chú ý thông tin về giải pháp thực hiện chỉ tiêu giảm ùn tắc và giảm tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh phát động và thực hiện tốt các cuộc vận động, phong trào thi đua như: “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, gắn với phong trào “Toàn dân tham gia bảo đảm TTATGT”, “Ngày hội thanh niên với văn hóa giao thông”, “Thiếu nhi với văn hóa giao thông”, “Công trường an toàn giao thông”; tiếp tục duy trì mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, tổ chức cho doanh nghiệp vận tải hàng hóa và lái xe ký cam kết không vi phạm quy định về TTATGT và không chở hàng quá tải trọng theo quy định.

Qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Nhân dân trong tỉnh được tiếp cận với các quy định về TTATGT đường bộ, giúp mọi đối tượng hiểu và chấp hành tốt pháp luật của nhà nước, hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ, góp phần bảo đảm TTATGT.

1.4. Kết quả đăng ký, cấp, thu hồi biển số phương tiện giao thông đường bộ; cấp, thu hồi giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của các phương tiện giao thông đường bộ; các quy định cụ thể điều kiện, phạm vi hoạt động của xe thô sơ

Công tác đăng ký, cấp, thu hồi giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của các phương tiện giao thông đường bộ được các cơ quan chức năng thực hiện đúng quy định. Từ năm 2009 đến 2023 đã đăng ký mới 62.656 xe ô tô các loại; 748.693 xe mô tô, 13.592 xe máy điện; nâng tổng số phương tiện hiện đang quản lý đến hết năm 2023 là: 1.596.944 phương tiện (*trong đó 86.801 ô tô, 1.489.740 mô tô, 20.403 xe máy điện*). Tổng số lượt xe đăng kiểm 526.288 xe, số phương tiện đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường là 473.431 xe, số lượt xe đăng kiểm không đạt 52.857 xe.

1.5. Kết quả công tác đào tạo, sát hạch lái xe; cấp, đổi, thu hồi giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Thực hiện Luật Giao thông đường bộ năm 2008, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông vận tải phối hợp với các ngành liên quan thực hiện tốt các quy định pháp luật về lĩnh vực quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

Thời điểm năm 2009 trên địa bàn tỉnh có 04 cơ sở đào tạo và 01 trung tâm sát hạch lái xe; đến năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 06 cơ sở đào tạo lái với tổng lưu lượng đào tạo lái xe ô tô khoảng 5.000 học viên và 07 Trung tâm sát hạch lái xe đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị và được các cơ quan có thẩm quyền kiểm chuẩn, cấp phép thành lập theo đúng quy định và cơ bản đáp ứng nhu cầu sát hạch cấp GPLX của nhân dân.

Đối với công tác cấp, đổi giấy phép lái xe: Đã đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện rà soát cắt giảm thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết, đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong việc thực hiện cấp, đổi GPLX; tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí, thời gian đi lại cho người dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Từ năm 2009 đến hết năm 2023, đã thực hiện cấp mới 309.673 GPLX các loại, đổi 267.866 GPLX các loại.

1.6. Quản lý về TTATGT đường bộ trong hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải

UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng, cụ thể là Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành liên quan thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an qua hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện các quy định về quản lý vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, đảm bảo TTATGT.

Kể từ năm 2009, hoạt động vận tải được tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát theo Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009; theo đó không chỉ các xe kinh doanh vận tải hành khách mà cả phương tiện kinh doanh vận tải hàng hoá cũng bắt đầu đưa vào quy định cấp phù hiệu để quản lý. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và trực tiếp là Sở Giao thông vận tải trong việc thực hiện quy định cấp Giấy phép kinh doanh vận tải cho các đơn vị vận tải. Đến hết năm 2023, có 786 đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh được cấp phép hoạt động. Bên việc cấp phép hoạt động, các quy định về lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, camera trên xe để giám sát được triển khai theo quy định tại Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009, Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 và Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020; đồng thời, công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động vận tải được UBND tỉnh chú trọng chỉ đạo triển khai, kịp thời đình chỉ hoạt động, thu hồi, tước Giấy phép kinh doanh vận tải; thu hồi phù hiệu cấp cho phương tiện vi phạm thông qua thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, không khai thác tuyến theo quy định.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 08 bến xe khách đạt tiêu chuẩn từ loại 1 đến loại 5; các bến xe trên địa bàn tỉnh được đầu tư xây dựng đã góp phần trong việc kết nối các tuyến vận tải đến các tỉnh, thành trên cả nước. Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đã kết nối vận chuyển hành khách giữa thành phố Quy Nhơn và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Hoạt động vận tải đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của nhân dân và lưu thông hàng hoá trên địa bàn với chất lượng ngày càng cao.

1.7. Công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT đường bộ; điều tra giải quyết tai nạn giao thông; xử lý “điểm đen”, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông” đường bộ; khắc phục ùn tắc giao thông đường bộ; tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông

a) Công tác tuần tra, kiểm soát xử lý vi phạm pháp luật về TTATGT

Công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về TTATGT được các lực lượng chức năng tăng cường, thường xuyên đổi mới về hình thức, phương pháp thực hiện, chú trọng sử dụng các phương tiện thiết bị kỹ thuật hiện đại, bên cạnh thực hiện theo các kế hoạch định kỳ, các lực lượng chức năng thường xuyên mở các đợt cao điểm và xử lý vi phạm theo chuyên đề, chú trọng các tuyến đường, địa bàn phức tạp về TTATGT. Từ năm 2009 đến năm 2023 các lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý 1.033.713 trường hợp vi phạm, tạm giữ 170.904 lượt phương tiện, tước giấy phép lái xe 66.707 trường hợp, phạt tiền hơn 646 tỉ đồng. Thực tế cho thấy, ở đâu lực lượng chức năng tích cực hoạt động và thực hiện xử phạt nghiêm thì TTATGT chuyển biến tốt, ùn tắc giao thông ít xảy ra, TNGT giảm.

b) Công tác điều tra giải quyết tai nạn giao thông được Công an các cấp trong tỉnh đặc biệt quan tâm, giải quyết kịp thời. Từ năm 2009 đến năm 2023, đã tiến hành điều tra, đề nghị khởi tố 764 vụ với 1.045 bị can vi phạm pháp luật về TTATGT.

c) Công tác xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, khắc phục ùn tắc giao thông:

- Công tác xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông được UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chức năng, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp rà soát, đánh giá xây dựng kế hoạch và triển thực hiện có hiệu quả đã góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông. Trong giai đoạn 2009-2023, đã xử lý được 237 điểm đen, điểm bất cập hạ tầng giao thông trên các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường nội thị qua địa bàn tỉnh bằng các biện pháp như: lắp đặt hệ thống camera giám sát để xử lý các vi phạm về trật tự ATGT, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống đèn chiếu sáng, cải tạo mở rộng mặt đường,... Điển hình như: (1) Xử lý điểm đen TNGT tại nút giao QL1 với QL19 (nút ngã tư cầu Bà Di, huyện Tuy Phước), từ năm 2016 đến nay tháng 6/2019 tại nút giao thông này đã xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông, làm chết 06 người, bị thương 03 người. Qua phân tích nguyên nhân gây TNGT nhận thấy hệ thống ATGT nút giao đầy đủ, nút giao có đèn tín hiệu giao thông; tuy nhiên người điều khiển phương tiện thường không chấp hành hệ thống báo hiệu, vượt đèn đỏ, đi ngược chiều, dừng đỗ không đúng quy định; Vì vậy, đã đầu tư

công trình lắp đặt hệ thống camera giám sát, quản lý trật tự ATGT để xử lý hành vi vượt đèn đỏ, đi ngược chiều, dừng đỗ không đúng quy định. Từ khi đưa công trình vào sử dụng tình hình trật tự ATGT tại nút giao thông nêu trên đã được cải thiện tích cực, TNGT không xảy ra. (2) Xử lý điểm đen TNGT tại nút giao thông Đồng Đa-Hoa Lư (thành phố Quy Nhơn) vào tháng 9 và tháng 10/2021 đã xảy ra 02 vụ làm 03 người chết, qua phân tích nguyên nhân gây TNGT phần lớn do ý thức của người tham gia thông, như: đi không đúng làn đường, tranh giành, chen lấn, vượt xe không đúng quy định, chạy quá tốc độ,... và một phần nguyên nhân do quy mô mặt cắt ngang các nhánh của nút giao còn hẹp, chưa phân làn riêng biệt cho các dòng xe nên các phương tiện lưu thông lộn xộn, dễ gây va chạm, xe máy, xe đạp cắt ngang xe tải, xe container... Vì vậy, đã đầu tư công trình lắp đặt giá long môn để chỉ dẫn hướng đi, phân làn đường, sơn phân làn trên đường Đồng Đa trước khi đi vào khu vực nút giao; mở dải phân cách giữa trước UBND phường Thị Nại; cải tạo thu hẹp giải phân cách giữa đường Đồng Đa tại vị trí vào nút giao trước cầu Hà Thanh 1 mới và lắp đặt bổ sung hệ thống camera giám sát để xử lý các vi phạm về trật tự ATGT; Từ khi thực hiện các giải pháp nêu trên, tình hình trật tự ATGT tại nút giao ổn định, TNGT không xảy ra;....)

- Công tác khắc phục ùn tắc giao thông được UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng và các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả; trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh không có tình trạng ùn tắc giao thông xảy ra.

d) Công tác tổ chức cứu hộ, cứu nạn giao thông được UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện tốt. Thực tế khi có các vụ tai nạn giao thông xảy ra, đặc biệt là các vụ tai nạn đặc biệt nghiêm trọng thì các ngành chức năng và chính quyền địa phương đã khẩn trương tham gia cứu hộ và tìm kiếm cứu nạn, góp phần giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do TNGT gây ra.

1.8. Công tác phối hợp liên ngành, địa phương về bảo đảm TTATGT đường bộ được UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương quan tâm thực hiện thường xuyên; có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban An toàn giao thông tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Khu Quản lý đường bộ III, các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị- xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan.

2. Hạn chế, bất cập

2.1. Về công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về TTATGT trong quá trình thực hiện có một số khó khăn, mà chủ yếu là thiếu nguồn nhân lực, hoạt động kiêm nhiệm, thiếu tính chuyên nghiệp nên chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

2.2. Ý thức chấp hành các quy định về ATGT của một số người tham gia giao thông còn thấp mang tính đối phó; hầu hết các vụ TNGT xảy ra phần lớn đều do chủ quan của người tham gia giao thông.

2.3. Hiện nay, cơ bản chất lượng phương tiện đảm bảo về yêu cầu an toàn kỹ thuật, tuy nhiên vẫn còn tình trạng một số phương tiện kém chất lượng, độ chệch, gây tiềm ẩn TNGT.

2.4. Công tác tuần tra, xử lý vi phạm pháp luật về TTATGT đã được tăng cường, tuy nhiên do lực lượng cán bộ làm công tác tuần tra, xử lý vi phạm còn mỏng chưa khép kín địa bàn nên hiệu quả chưa cao.

2.5. Một số công trình, dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường, do nguồn kinh phí hạn chế nên chỉ giải phóng đền bù mặt bằng trong phạm vi thi công, không giải tỏa và thu hồi đất trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ. Vì vậy, việc quản lý hành lang an toàn đường bộ gặp nhiều khó khăn, mất ATGT.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

a) Do bị tác động của thiên tai và đặc điểm địa chất nên các tuyến đường thường xuyên bị sạt lở, sụt lún trong mùa mưa dẫn đến hình thành các điểm nguy cơ tiềm ẩn và “điểm đen” về TNGT.

b) Cơ sở hạ tầng giao thông chưa đáp ứng được đầy đủ, kịp thời so với sự gia tăng lượng phương tiện, nhu cầu của người tham gia giao thông. Còn những điểm tiềm ẩn mất ATGT chưa kịp thời khắc phục. Kinh phí đầu tư cho phát triển hạ tầng, xử lý các điểm mất ATGT còn hạn chế.

c) Những năm gần đây, nền kinh tế đất nước bị ảnh hưởng dịch COVID-19 nay dần được phục hồi; theo đó, hoạt động vận tải đường bộ gia tăng nhanh làm nguy cơ gia tăng tai nạn giao thông.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

a) Ý thức tự giác chấp hành các quy định về ATGT của một số người tham gia giao thông còn thấp, mang tính đối phó; các vụ TNGT xảy ra phần lớn đều do tính chủ quan, xem thường pháp luật về TTATGT.

b) Công tác tuyên truyền chưa sâu rộng, sát nội dung và đối tượng; công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về TTATGT có lúc, có nơi chưa thường xuyên.

c) Trách nhiệm của Cấp ủy, chính quyền cơ sở và gia đình trong việc quản lý, giáo dục cán bộ, công dân và người thân trong gia đình chưa được thường xuyên; biện pháp chưa đủ mạnh và chưa kiên quyết.

4. Kiến nghị:

4.1. Bộ Giao thông vận tải

a) Sớm đầu tư xây dựng dự án Đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku.

b) Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối với đường bộ cao tốc Bắc - Nam phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

c) Chỉ đạo Ban Quản lý dự án 2 khẩn trương chỉ đạo tổ chức thi công sớm hoàn thành dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên trên tuyến Quốc lộ 19.

d) Tham mưu đề xuất Chính phủ cho chủ trương đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng tuyến QL.19C qua địa bàn tỉnh theo quy hoạch được duyệt (vì hiện

nay QL.19C qua địa bàn tỉnh Bình Định chỉ đạt tiêu chuẩn là đường cấp VI đồng bằng, không đáp ứng nhu cầu của phương tiện tham gia giao thông hiện nay gây mất an toàn giao thông, thường xảy ra tai nạn giao thông; đồng thời ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển kinh tế- xã hội của địa phương).

đ) Hàng năm ưu tiên dành cho tỉnh kinh phí từ nguồn Quỹ Bảo trì Trung ương để duy tu, sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác bị xuống cấp nặng và kinh phí khắc phục các điểm đen thường xuyên gây tai nạn giao thông.

4.2. Bộ Công an

a) Bổ sung trang bị phương tiện, công cụ cho Công an các đơn vị, địa phương để phục vụ công tác bảo đảm TTATGT (như: xe tuần tra, cân tải trọng, máy đo tốc độ,...).

b) Sớm triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát xử lý vi phạm TTATGT trên tuyến Quốc lộ 1 qua địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm xử phạt những trường hợp vi phạm TTATGT và an ninh trật tự, phòng ngừa tai nạn giao thông.

B. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường sắt (từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2023)

1. Ưu điểm

1.1. Kết quả bảo đảm TTATGT đường sắt từ năm 2019 đến hết năm 2023

UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban An toàn giao thông tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cấp ủy Đảng, ngành Đường sắt đã tăng cường triển khai thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt, như: đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật, sơn kẻ vạch dừng, làm êm thuận mặt đường bộ trong phạm vi đường ngang, xây dựng đường gom, giải tỏa tầm nhìn, tổ chức cảnh giới; thường xuyên rà soát và bổ sung hệ thống báo hiệu đường bộ tại các đường ngang;.... bảo đảm an toàn công trình, bảo vệ hành lang đường sắt, bảo đảm TTATGT tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt. Vì vậy, tình hình tai nạn giao thông đường sắt trên địa bàn tỉnh được kiểm chế, giao thông đường sắt thông suốt, an toàn.

1.2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT đường sắt

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo trật tự hành lang ATGT và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm Quy chế phối hợp số 10/QCPH-BGTVT-UBND ngày 25/3/2013 giữa Bộ Giao thông vận tải với UBND tỉnh Bình Định trong việc đảm bảo TTATGT tại các vị trí giao cắt giữa đường bộ và đường sắt, Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó, chính quyền các cấp, các tổ chức đoàn thể đã tổ chức triển khai thực hiện, nâng cao trách nhiệm trong công tác đảm bảo TTATGT đường sắt và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt, từng bước kiểm chế tai nạn giao thông, đảm bảo TTATGT đường sắt.

1.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm TTATGT đường sắt

Xác định công tác tuyên truyền là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm nâng cao ý thức của Nhân dân trong việc đảm bảo TTATGT đường sắt, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban ATGT tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh, Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình và Phú Khánh phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố có đường sắt đi qua, các cơ quan báo, đài tổ chức tuyên truyền Luật Đường sắt, vận động nhân dân tham gia giữ gìn TTATGT đường sắt; ngăn chặn các vụ vi phạm như: trộm cắp vật tư, thiết bị, lấn chiếm hành lang đường sắt, ném đá lên tàu;.... Qua đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức chính trị xã hội và nhân dân tỉnh nhà trong công tác đảm bảo TTATGT đường sắt.

1.4. Công tác bảo đảm TTATGT đường sắt được UBND tỉnh chỉ đạo Ban An toàn giao thông tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải phối hợp với các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, địa phương thực hiện có hiệu quả; từng bước kiểm chế tai nạn giao thông đường sắt.

2. Hạn chế, bất cập

2.1. Hầu hết các lối đi tự mở có từ lâu do lịch sử để lại, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, việc xóa bỏ các lối đi tự mở rất phức tạp, cần phải đầu tư xây dựng đường gom hoặc nâng cấp thành đường ngang cảnh báo tự động có cản chắn tự động, sau đó mới thực hiện việc xóa bỏ.

2.2. Còn một số hộ dân tự ý tháo dỡ, nới rộng rào thu hẹp lối đi để ô tô, xe cơ giới qua lại đường sắt, tiềm ẩn mất an toàn giao thông đường sắt.

2.3. Ý thức chấp hành pháp luật về trật tự ATGT đường sắt của một bộ phận người dân chưa cao, dẫn đến tình trạng vi phạm hành lang đường sắt.

2.4. Việc cấm mốc chỉ giới đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt 2005, Luật đường sắt 2017 và Nghị Định 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ, qua kiểm tra hiện trạng trên địa bàn tỉnh hầu hết không còn hoặc không có, gây khó khăn trong việc quản lý mốc chỉ giới, hành lang an toàn đường sắt,....

3. Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải quan tâm bố trí nguồn vốn Trung ương để đầu tư nâng cấp 11 lối đi trên tuyến đường sắt Bắc - Nam (Km1000+080, Km1010+500, Km1021+390, Km1023+550, Km1030+780, Km1033+440, Km1039+350, Km1043+290, Km1057+060, Km1101+295, Km1109+780) thành đường ngang thành phòng vệ tự động vì các lối đi này tồn tại từ lâu, là khu vực tập trung đông dân cư và có nhiều phương tiện đi qua phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (*UBND tỉnh Bình Định đã kiến nghị tại Văn bản số 830/UBND-KT ngày 01/02/2024*).

C. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa (*từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2023*)

1. Ưu điểm

1.1. Kết quả bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa giai đoạn từ năm 2015 đến hết năm 2023

Giai đoạn từ năm 2015 đến hết năm 2023, tình hình TTATGT đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh được đảm bảo, không xảy ra tai nạn, sự cố liên quan đến giao thông đường thủy nội địa.

1.2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều Văn bản thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo TTATGT đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh (như: Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 06/9/2016 về tăng cường các giải pháp cấp bách bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 về phân cấp cấp giấy phép và quản lý hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh;...). Bên cạnh đó, thường xuyên chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức kiểm tra trong hoạt động vận tải thủy nội địa trên địa bàn, kịp thời xử lý theo thẩm quyền đối với đơn vị, cá nhân vi phạm.

1.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phương tiện thủy nội địa, trong đó chú trọng tuyên truyền các hộ gia đình, cha mẹ, thầy cô giáo, nghiêm cấm các em học sinh tự ý sử dụng các phương tiện thô sơ, phương tiện gia dụng tham gia giao thông đường thủy nội địa; nhắc nhở chủ phương tiện trên địa bàn rà soát, kiểm tra và hoàn thiện các thủ tục liên quan đến điều kiện hoạt động của phương tiện thủy nội địa, các quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; vận động tài trợ cấp phát 29.135 áo phao cho học sinh và người dân thường xuyên tham gia giao thông đường thủy nội địa.

- UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra điều kiện hoạt động của các phương tiện thủy nội địa (đặc biệt là sử dụng phương tiện thủy nội địa hoạt động chở khách); kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về điều kiện hoạt động của phương tiện thủy nội địa.

1.4. Đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

- Việc thực hiện đăng ký phương tiện thủy nội địa thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

- Đến hết năm 2023, số phương tiện thủy nội địa đăng ký trên địa bàn tỉnh là 315 phương tiện (gồm: 50 phương tiện chở hàng với tổng trọng tải tàu hàng là

5.064 tấn và 265 phương tiện tàu khách với tổng sức chở tàu khách là 3.195 người; trong số 265 phương tiện tàu khách có khoảng 150 tàu cao tốc chở người và khách tham gia hoạt động trên địa bàn xã Nhơn Hải, Nhơn Lý, Nhơn Châu góp phần thu hút khách du lịch).

1.5. Quản lý đào tạo, cấp, đổi, thu hồi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa

Trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở đào tạo nào có chuyên môn đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giao thông vận tải thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, cấp, đổi, thu hồi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa. Đến hết năm 2023, toàn tỉnh có tổng số 569 Chứng chỉ chuyên môn lái phương tiện hạng 1 và 281 Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng 3 (trước đây gọi là Bằng thuyền trưởng hạng 3) đảm bảo điều kiện để tham gia điều khiển phương tiện thủy nội địa đúng quy định.

1.6. Quản lý về TTATGT trong hoạt động vận tải đường thủy nội địa

a) Về công tác quy hoạch

Theo Đề án phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 09/6/2017, thì tổng bến thủy nội địa là 23 bến, trong đó: Số bến thủy nội địa phục vụ dân sinh: 11 bến (cần đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp 08 bến); Số bến thủy nội địa phục vụ du lịch: 11 bến (cần xây dựng mới) và 01 bến hỗn hợp. Nguồn vốn để thực hiện Đề án: đối với bến dân sinh dự kiến đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý, với kinh phí khoảng 23.360 triệu đồng; Bến phục vụ du lịch và hỗn hợp thì đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa. Kết quả thực hiện đề án như sau:

+ Đối với các bến, cảng thủy nội địa phục vụ dân sinh: Ngày 19/6/2019, UBND tỉnh đã có Văn bản số 3421/UBND-KT chủ trương cho hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng 06 cầu tàu tại các bến thủy nội địa phục vụ dân sinh tại các địa phương Tây Sơn, Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ với tổng kinh phí là 2.160 triệu đồng. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa cân đối được nguồn vốn, vì vậy các địa phương vẫn chưa triển khai thực hiện nội dung của đề án đã được phê duyệt.

+ Đối với các bến, cảng thủy nội địa phục vụ du lịch, một số nhà đầu tư hiện đang xây dựng như: Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Thành Trung đầu tư xây dựng bến du thuyền Grand Palace tại đường Võ Nguyên Giáp, phường Đồng Đa; Dự án Mũi Tấn Quy Nhơn tại đường Xuân Diệu, Phường Hải Cảng, do Công ty CP dịch vụ giải trí Hưng Thịnh, thuộc Tập đoàn Hưng Thịnh đầu tư... còn lại các nhà đầu tư chưa tập trung xây dựng các cầu tàu, bến bãi theo quy hoạch.

+ Đối với bến hỗn hợp do Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát làm Chủ đầu tư; sau khi có ý kiến thống nhất của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn về việc xây dựng Bến tàu du lịch biển và sinh thái, dịch vụ du lịch phường

Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, Sở Giao thông vận tải đã có Văn bản thỏa thuận gửi Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát (tại Văn bản số 390/SGTVT-GT ngày 05/4/2021 và số 859/SGTVT-GT ngày 24/6/2021) để tổ chức triển khai xây dựng, thời hạn thỏa thuận có giá trị 12 tháng. Ngày 19/6/2023, Sở GTVT có Văn bản số 1143/SGTVT-GT về việc hoàn thiện các thủ tục có liên quan về đầu tư xây dựng và hoạt động bến thủy nội địa đối với bến tàu du lịch biển và sinh thái, dịch vụ du lịch phường Thị Nại và bến cập tàu bên đảo Hòn Khô trên địa bàn xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn; tuy nhiên, đến nay Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát vẫn chưa hoàn thiện các thủ tục đề công bố và cấp phép hoạt động theo quy định.

b) Về luồng tuyến: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 tuyến đường thủy nội địa Hải Cảng - Nhơn Châu có chiều dài 30Km, được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 20/10/2016. Ngoài ra, còn có một số tuyến thủy nội địa phục vụ nhu cầu đi lại của người dân và một số tuyến tự phát chở khách tham quan du lịch. Theo Đề án phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 09/6/2017, trong đó, phát triển 17 tuyến thủy nội địa, gồm: 06 tuyến thủy nội địa phục vụ dân sinh và 11 tuyến thủy nội địa phục vụ du lịch.

1.7. Tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; điều tra, giải quyết tai nạn, sự cố giao thông đường thủy nội địa; xử lý “điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn” giao thông đường thủy nội địa; tổ chức tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ giao thông đường thủy nội địa được tăng cường.

a) Tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa được lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, xử lý kiên quyết. Bên cạnh đó, UBND tỉnh chỉ đạo Ban An toàn giao thông tỉnh định kỳ tổ chức đoàn làm việc với các địa phương về công tác đảm bảo TTATGT đường thủy nội địa. Tại các buổi làm việc, các địa phương nêu ra những bất cập, hạn chế trong công tác đảm bảo TTATGT đường thủy nội địa tại địa phương và đề xuất kiến nghị, phương hướng xử lý. Trên cơ sở đó, Ban An toàn giao thông tỉnh đã tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản tăng cường công tác bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

b) Điều tra, giải quyết tai nạn, sự cố giao thông đường thủy nội địa; xử lý “điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn” giao thông đường thủy nội địa; tổ chức tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ giao thông đường thủy nội địa: Trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2023 không xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa, việc tổ chức tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ giao thông đường thủy nội địa được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả, góp phần phòng ngừa tai nạn giao thông.

1.8. Phối hợp các bộ, ngành, địa phương và hợp tác quốc tế về bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giao thông vận tải đã thường xuyên có Văn bản hướng dẫn, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố về đăng ký phương tiện, thực hiện các biện pháp đảm bảo ATGT trong hoạt động vận tải thủy nội địa; đồng thời, tổ chức phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra

điều kiện hoạt động của các phương tiện thủy nội địa, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về điều kiện hoạt động của phương tiện thủy nội địa.

2. Hạn chế, bất cập

2.1. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 tuyến đường thủy nội địa Hải Cảng - Nhơn Châu có chiều dài 30Km được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 20/10/2016. Ngoài ra, còn có một số tuyến thủy nội địa phục vụ nhu cầu đi lại của người dân và một số tuyến tự phát chở khách tham quan du lịch, việc đảm bảo ATGT hoàn toàn phụ thuộc vào kinh nghiệm của người điều khiển phương tiện.

2.2. Hoạt động vận tải thủy nội địa trên địa bàn tỉnh còn mang tính tự phát, các bến thủy nội địa, bến khách ngang sông hầu hết chưa được đầu tư xây dựng; một số phương tiện thủy nội địa chưa đăng ký, đăng kiểm; còn một bộ phận người điều khiển phương tiện chưa qua đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

3. Nguyên nhân, trách nhiệm

3.1. Do trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở đào tạo người lái đường thủy nên rất khó triển khai công tác đào tạo người lái phương tiện thủy nội địa để cấp chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

3.2. Một số phương tiện thủy nội địa trên địa bàn tỉnh không có hồ sơ thiết kế, không có nguồn gốc xuất xứ vì vậy không tổ chức đăng kiểm, đăng ký được. Một số người dân thường né tránh khi có lực lượng chức năng kiểm tra (*đưa các phương tiện cất giấu hoặc không hoạt động*). Ngoài ra đa số người dân có điều kiện kinh tế khó khăn, mặc dù đã được lực lượng chức năng, chính quyền địa phương tuyên truyền các quy định về bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa nhưng việc trang bị phao cứu sinh, dụng cụ nổi, áo phao khi sử dụng phương tiện còn hạn chế.

4. Kiến nghị

a. Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quan tâm tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn trong việc khảo sát luồng tuyến, thiết kế xây dựng bến bãi và công tác quản lý về đường thủy nội địa.

b. Các đơn vị, địa phương trong tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1287/UBND-KT ngày 10/03/2023 về tăng cường công tác bảo đảm trật tự ATGT đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

D. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn hàng không dân dụng (từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2023)

1. Ưu điểm

1.1. Kết quả thực hiện an toàn hàng không dân dụng giai đoạn từ năm 2016 đến hết năm 2023

Từ 2016 đến 2023, sản lượng điều hành bay đi và đến thông qua Cảng hàng không Phù Cát là 71.193 lượt tàu bay cất hạ cánh, hành khách thông qua Cảng là 10.859.012 lượt hành khách, vận chuyển 12.077.109 kg hàng hóa. Công tác an ninh, an toàn hàng không dân dụng cơ bản được đảm bảo tốt; không có tai

nạn, sự cố mất an toàn bay nghiêm trọng xảy ra.

Hoạt động hàng không dân dụng tại Cảng hàng không Phù Cát diễn ra thuận lợi, thông suốt; sản lượng vận chuyển hành khách, hàng hóa tiếp tục tăng trưởng. UBND tỉnh luôn quan tâm, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt các cơ quan, đơn vị hoạt động tại Cảng hàng không Phù Cát thực hiện có hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh, an toàn hàng không, chất lượng cung ứng dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu lưu thông hàng hóa và đi lại của người dân, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hàng không dân dụng tại Cảng hàng không Phù Cát, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành hàng không và tỉnh Bình Định.

1.2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn hàng không dân dụng

UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tuyên truyền vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự, an toàn hàng không. Việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về đảm bảo an ninh, an toàn hàng không dân dụng góp phần đảm bảo tuyệt đối an ninh, an toàn hàng không cho Cảng hàng không Phù Cát.

1.3. Việc phối hợp bảo vệ mốc giới cảng hàng không, sân bay dân dụng

UBND tỉnh đã yêu cầu Cảng vụ hàng không miền Trung tại Phù Cát chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương xác định ranh giới, tổ chức cắm và bảo vệ mốc giới, xác định ranh giới khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay. UBND huyện Phù Cát phối hợp thực hiện quy hoạch, xác định ranh giới, mốc giới, tổ chức cắm và bảo vệ mốc giới Cảng hàng không Phù Cát; xác định ranh giới khu vực lân cận cảng, bảo đảm quỹ đất, giải phóng mặt bằng. Đại diện Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không Phù Cát tiếp tục tăng cường công tác quản lý ranh giới, mốc giới và quản lý đất đai, tập trung vào rà soát hiện trạng sử dụng đất, hệ thống hàng rào ranh giới, kiểm tra thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện, phối hợp với chính quyền địa phương và lực lượng công an xử lý theo quy định đối với hành vi lấn chiếm đất trái phép, xây dựng công trình trái phép trên đất, vi phạm trật tự xây dựng.

1.4. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự:

a) Công tác phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự công cộng và an toàn xã hội tại địa bàn:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác điều tiết, tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động vận tải thông qua Cảng hàng không Phù Cát, phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách, vận chuyển hàng hóa thông suốt.

- Cảng hàng không Phù Cát đã nhượng quyền khai thác taxi cho các hãng có uy tín trên địa bàn tỉnh Bình Định và nhượng quyền khai thác xe chở khách tuyến Phù Cát-Quy Nhơn cho Công ty Cổ phần Sóng Việt. Cảng hàng không Phù Cát thường xuyên quán triệt các hãng taxi được nhượng quyền khai thác và các công ty kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không Phù Cát

không được tăng giá dịch vụ tại bất kỳ khung thời gian nào trong ngày; niêm yết giá đúng quy định, không chặt chém hay chèo kéo khách hàng gây phản cảm ảnh hưởng đến hình ảnh ngành hàng không, đảm bảo phục vụ khách 24/24.

- Các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là lực lượng Cảnh sát giao thông, Thanh tra Sở Giao thông vận tải tăng cường phối hợp, đảm bảo ATGT và phân luồng giao thông khi cần thiết, tránh ùn tắc cho các phương tiện đi/đến Cảng hàng không Phù Cát. Bố trí nhân sự thu phí, an ninh kiểm soát, đảm bảo mở 02 làn thu phí trong giờ phục vụ bay, hạn chế để xảy ra ùn tắc giao thông hay mất an ninh trật tự tại trạm thu phí, khu vực tài xế đậu, đỗ xe, đón trả khách...

- Tăng cường cảnh giác, kịp thời phát hiện và trấn áp các hành vi vi phạm trật tự công cộng, kỷ luật tại Cảng hàng không Phù Cát. Các cơ quan quản lý Nhà nước, lực lượng Cảnh sát cơ động phối hợp khi cần để xử lý những vụ việc nghiêm trọng, bảo vệ sự an toàn của nhân dân và cán bộ làm việc trên địa bàn Cảng cũng như tài sản cá nhân và các tổ chức liên quan.

- Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tăng cường công tác tuần tra, giám sát ngẫu nhiên, liên tục cùng với hệ thống Camera an ninh tại các khu vực công cộng, kiểm soát chặt chẽ việc ra vào khu vực hạn chế theo đúng quy định.

b) Công tác phòng cháy, chữa cháy và TTATGT tại Cảng Hàng không:

Cảng hàng không Phù Cát phối hợp với Công an tỉnh thực hiện ký kết quy chế phối hợp “Bảo đảm an ninh trật tự, an ninh an toàn hàng không, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ tại Cảng hàng không Phù Cát”; chủ động phối hợp triển khai công tác cứu nạn, chữa cháy tại các khu vực địa hình, môi trường phức tạp trong phạm vi trách nhiệm.

Cảng hàng không Phù Cát thường xuyên tổ chức diễn tập khẩn nguy tại Cảng, các tình huống diễn tập khẩn nguy thực hiện đúng được mô tả trong Kế hoạch khẩn nguy đã ban hành; đã thiết lập hệ thống hotline thông tin liên lạc riêng biệt giữa trạm cứu hỏa với Đài kiểm soát tại sân bay đáp ứng tiêu chuẩn thông tư 29/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ Giao thông vận tải; lắp đặt hệ thống báo động tại chỗ bằng âm thanh tại trạm cứu hỏa. Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác cứu nạn chữa cháy tại Cảng thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, Cảng đã thực hiện mua sắm trang bị đầy đủ.

1.5. Duy trì trật tự công cộng, bảo đảm thực hiện các quy định về an toàn hàng không; ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

Cảng hàng không Phù Cát tiếp tục phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, lực lượng công an, quân đội trong việc đảm bảo thực hiện quy định về an ninh hàng không, an toàn hàng không, duy trì trật tự, an toàn xã hội và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật tại cảng hàng không, sân bay. Cảng hàng không Phù Cát đã triển khai thông tin về các cuộc diễn tập, hoạt động quân sự bắn đạn thật của lực lượng quân đội để các đơn vị điều chỉnh kế hoạch khai thác, đảm bảo an toàn; gửi văn bản đề nghị chính quyền địa phương và lực lượng công an nằm trong khu vực giáp ranh cảng hàng không và ranh giới khu vực cấm bay,

hạn chế bay.

1.6. Công tác tìm kiếm, cứu nạn hàng không dân dụng; bảo quản tàu bay và tài sản trong tàu bay khi tàu bay lâm nạn ở địa phương ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

Cảng hàng không Phù Cát triển khai ký quy chế phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Tỉnh Bình Định để huy động và hỗ trợ lực lượng, phương tiện cứu nạn khi có tàu bay lâm nạn trong vùng tìm kiếm cứu nạn; phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; hợp tác quốc tế về an toàn hàng không dân dụng.

2. Hạn chế, bất cập

Vẫn còn tình trạng người dân chưa tuân thủ quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và các quy định khác có liên quan, nguy cơ gây mất an ninh, tĩnh không, an toàn bay, cụ thể như: nuôi, thả chim, gia súc, gia cầm trong vực cảng hàng không; thả điều tại khu vực lân cận cảng hàng không, khu vực cấm bay, hạn chế bay; đào đất, cát tại khu vực giáp ranh hàng rào an ninh khu bay có nguy cơ gây sạt, lún, hư hỏng hàng rào.

3. Nguyên nhân, trách nhiệm

Nguyên nhân là do người dân sinh sống ở khu vực giáp ranh cảng hàng không, sân bay chủ yếu hoạt động sản xuất nông nghiệp, đồng thời ý thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế.

4. Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải

a. Sớm triển khai quy hoạch đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Phù Cát.

b. Chỉ đạo đơn vị trực thuộc duy trì thường xuyên, đúng quy định hoạt động đào tạo, huấn luyện, cấp giấy phép, chứng chỉ, năng định chuyên môn cho cán bộ, nhân viên; hoạt động kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định và đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện hàng không; hoạt động thực hành, diễn tập phương án, kế hoạch.

E. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn hàng hải (từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2023)

1. Ưu điểm

1.1. Kết quả bảo đảm an toàn hàng hải giai đoạn từ năm 2018 đến hết năm 2023.

Giai đoạn từ năm 2018 đến hết năm 2023, tình hình bảo đảm an toàn hàng hải trên địa bàn tỉnh được đảm bảo, không xảy ra tai nạn hàng hải.

1.2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn hàng hải.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến lĩnh vực hàng hải; quán triệt nội dung cụ thể đến các doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển, thuyền trưởng các phương tiện ra vào hoạt động tại khu vực quản lý; góp phần nâng cao nhận thức về ATGT hàng hải.

1.3. Quản lý nhà nước về bảo đảm an toàn hàng hải, công tác bảo vệ công trình hàng hải tại địa phương.

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo đảm an toàn hàng hải, công tác bảo vệ công trình hàng hải tại địa phương, qua đó góp phần bảo đảm an toàn hàng hải, bảo vệ công trình hàng hải tại địa phương.

1.4. Công tác tổ chức xử lý tài sản chìm đắm thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

UBND tỉnh đã giao cơ quan chuyên môn rà soát, đề xuất xử lý tài sản chìm đắm thuộc thẩm quyền nhằm bảo đảm điều kiện để khai thác hết công suất thiết kế của các cảng, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cảng.

1.5. Phối hợp quản lý về an toàn hàng hải trong việc khai thác cảng biển và luồng, tuyến hàng hải theo quy định của pháp luật.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tăng cường quản lý về an toàn hàng hải trong việc khai thác cảng biển và luồng, tuyến hàng hải theo quy định của pháp luật, góp phần bảo đảm an toàn hàng hải, phòng ngừa tai nạn giao thông hàng hải xảy ra.

1.6. Kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về hàng hải đối với các đơn vị kinh doanh khai thác cảng biển, bảo đảm trình tự, thủ tục và đúng thời gian theo quy định.

Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn tổ chức tuần tra, giám sát chặt chẽ hoạt động tàu thuyền trong khu vực; bảo đảm các tàu thuyền tuân thủ các quy định pháp luật về hàng hải. Trong đó chú trọng kiểm tra, giám sát về thuyền viên, tải trọng, chất xếp, chằng buộc hàng hóa của tàu thuyền khi đến; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm; tiến hành xử phạt hành vi vi phạm hành chính theo quy định; bảo đảm an toàn, an ninh, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng cháy chữa cháy cho tàu thuyền hoạt động tại khu vực cảng biển Bình Định. Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra hoạt động các báo hiệu hàng hải như phao tiêu, phao luồng, đăng tiêu, chập tiêu,...; bảo đảm các báo hiệu hàng hải hoạt động tốt; bảo đảm hiệu lực, đặc tính nhằm nâng cao an toàn hàng hải cho các tàu thuyền hoạt động trên luồng; phối hợp với Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ kịp thời sửa chữa hư hỏng của các báo hiệu hàng hải; bảo đảm các tàu thuyền ra vào luồng hàng hải Quy Nhơn an toàn.

1.7. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực an toàn hàng hải; phối hợp điều tra, giải quyết tai nạn, sự cố hàng hải; tổ chức cứu hộ hàng hải, cứu nạn trên biển.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực an toàn hàng hải; phối hợp điều tra, giải quyết tai nạn, sự cố hàng hải; tổ chức cứu hộ hàng hải, cứu nạn trên biển. Từ năm 2018 đến hết

năm 2023 an toàn hàng hải trên địa bàn tỉnh được an toàn, không xảy ra bất kỳ tai nạn, sự cố hàng hải nào gây thiệt hại về con người, tàu thuyền, hàng hóa và không gây ô nhiễm môi trường.

1.8. Phối hợp các bộ, ngành, địa phương; thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; hợp tác quốc tế về bảo đảm an toàn hàng hải.

UBND tỉnh luôn phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương trong công tác đảm bảo an toàn hàng hải, thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thực hiện hợp tác quốc tế về bảo đảm an toàn hàng hải trên địa bàn tỉnh.

2. Hạn chế, bất cập

Hiện nay, tỉnh vẫn chưa có vị trí nhận chìm chất nạo vét trên biển gây khó khăn trong công tác nạo vét, duy tu luồng hàng hải Quy Nhơn và khu nước trước bến của các bến cảng, bến phao; dẫn đến không bảo đảm chuẩn tắc thiết kế luồng, vùng nước thủy diện trước bến cảng; tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho tàu thuyền ra vào cảng biển Bình Định.

3. Nguyên nhân, trách nhiệm

Do Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa công bố quy hoạch không gian biển quốc gia để làm căn cứ xây dựng quy hoạch các khu vực nhận chìm trên biển phục vụ cho hoạt động nạo vét hàng năm của các tuyến luồng hải quốc gia.

4. Kiến nghị

a. Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm hoàn thành và công bố quy hoạch không gian biển quốc gia để làm căn cứ xây dựng quy hoạch các khu vực nhận chìm trên biển phục vụ cho hoạt động nạo vét hàng năm của các tuyến luồng hải quốc gia.

b. Bộ Giao thông Vận tải sớm triển khai dự án Cải tạo nâng cấp luồng hàng hải Quy Nhơn cho tàu 50.000 DWT.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm tổng quát về bảo đảm TTATGT

a) Trong những năm qua, công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp bảo đảm TTATGT; các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương và các lực lượng đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai có hiệu quả các giải pháp bảo đảm trật tự ATGT; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, phối hợp thực hiện và sự đồng thuận ủng hộ của toàn thể Nhân dân tạo điều kiện cho các lực lượng chức năng thực thi công vụ.

b) Công tác tuyên truyền TTATGT được đẩy mạnh, ý thức chấp hành luật giao thông của người dân khi tham gia giao thông ngày dần được nâng lên.

c) Hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh ngày càng được quan tâm đầu tư, tiến độ thi công, chất lượng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh được đảm bảo; việc xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, các điểm bất cập có nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông được xử lý kịp thời.

d) Các phương tiện tham gia giao thông ngày càng đạt tiêu chuẩn; công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện, công tác đào tạo sát hạch được thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật.

đ) Công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về TTATGT được các lực lượng chức năng thường xuyên đổi mới về hình thức, phương pháp thực hiện; thường xuyên mở các đợt cao điểm và xử lý vi phạm theo chuyên đề, chú trọng các tuyến đường, địa bàn phức tạp về TTATGT.

2. Hạn chế, bất cập chủ yếu

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách pháp luật về bảo đảm TTATGT của các sở, ban, ngành, địa phương có lúc còn buông lỏng sự chỉ đạo, lãnh đạo; một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa kiên quyết trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm TTATGT.

b) Công tác phối hợp thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh của các sở, ban, ngành, đoàn thể, chính trị- xã hội có lúc chưa được xuyên.

c) Điều kiện hoạt động bảo đảm TTATGT, việc thực hiện chế độ chính sách với lực lượng bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều bất cập, khó khăn.

+ Lực lượng chức năng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát trật tự, Thanh tra Sở Giao thông với số biên chế ít, địa bàn hoạt động rộng nên lực lượng không bố trí được cán bộ, chiến sĩ trên khắp các tuyến đường để thực hiện công tác đảm bảo TTATGT kịp thời như mong muốn.

+ Kinh phí thực hiện về bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, trang thiết bị nghiệp vụ chưa được trang bị đầy đủ, thiếu máy đo tốc độ tự động, cân xách tay điện tử kiểm tra tải trọng,...

3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

3.1. Nguyên nhân khách quan

a) Trong những năm qua, nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng và phát triển nhanh đã làm gia tăng phương tiện tham gia giao thông, trong khi đó tốc độ phát triển của kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu.

b) Thói quen của người dân từ nền sản xuất nhỏ, ý thức chấp hành pháp luật còn hạn chế cùng với những phức tạp về điều kiện địa hình, khí hậu, thiên tai bão, lụt xảy ra... cũng ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình TTATGT.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Bên cạnh ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người tham gia giao thông còn thấp, đồng thời vẫn còn sự bất cập trong công tác quản lý nhà nước về giao thông; trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của các sở, ban, ngành, địa phương chưa tương xứng với quyết tâm chính trị mà Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã xác định. Thể hiện:

Một là, việc tổ chức triển khai pháp luật về bảo đảm TTATGT của các sở, ban, ngành, đoàn thể, chính trị - xã hội, chính quyền địa phương chưa thật quyết liệt và triệt để, có tình trạng khoán cho cơ quan chức năng.

Hai là, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm TTATGT còn hình thức, chưa sâu rộng, chưa gắn với trách nhiệm của nhà trường, chính quyền các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về TTATGT.

Ba là, thiếu sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa cơ quan chức năng với các cơ quan, tổ chức hữu quan và chính quyền địa phương trong việc thực hiện pháp luật về bảo đảm TTATGT. Việc phân cấp, quản lý, điều hành hoạt động bảo đảm TTATGT giữa các cơ quan chức năng và giữa cơ quan chức năng với chính quyền địa phương chưa rõ ràng, còn bất cập.

Bốn là, chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn về lĩnh vực đảm bảo TTATGT còn chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm TTATGT có lúc, có nơi vẫn còn tình trạng bỏ sót lỗi vi phạm của người tham gia giao thông.

4. Những bài học kinh nghiệm

4.1. Về lãnh đạo, chỉ đạo

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGT trong tình hình mới; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với đặc điểm, tình hình công tác bảo đảm TTATGT tại địa phương. Giao trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, ban, ngành, chính quyền các cấp thực hiện nhằm huy động cả hệ thống chính trị tham gia bảo đảm TTATGT. Huy động được sức mạnh của toàn xã hội, nhất là các cơ quan Nhà nước, chính quyền các cấp, các tổ chức, các đoàn thể và mỗi người dân phải có trách nhiệm trong tham gia đảm bảo TTATGT. Phát huy có hiệu quả vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong triển khai, thực hiện công tác bảo đảm TTATGT.

4.2. Về quản lý nhà nước

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về TTATGT, quản lý hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải, quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện. Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tổ chức thanh tra, phát hiện, ngăn chặn, xử phạt vi phạm hành chính trong việc chấp hành các quy định về hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải tại các điểm dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm kiểm tra tải trọng xe, tại cơ sở kinh doanh vận tải đường bộ; tổ chức thanh tra, phát hiện, ngăn chặn, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện.

4.3. Về tổ chức thực hiện

a) Kịp thời xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo để phân công, phân nhiệm từng ngành, từng lực lượng, từng địa phương

trong công tác thực hiện chính sách pháp luật về đảm bảo TTATGT trên địa bàn tỉnh;

b) Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về TTATGT đối với các cơ quan chức năng, các sở, ban, ngành, đoàn thể, chính trị-xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

c) Hàng Quý, 6 tháng, Năm và cả giai đoạn đánh giá, kiểm điểm trách nhiệm của từng thành viên Ban ATGT tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan trong công tác thực hiện chính sách pháp luật về bảo đảm TTATGT để đề xuất biện pháp thực hiện trong những năm tiếp theo.

Phần III **GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ**

I. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật

- Tổ chức tham gia vào việc hoàn thiện hai dự án Luật: Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ và Luật Đường bộ;

- Tham gia vào hoàn thiện các Nghị định, Thông tư khi 02 dự án luật nêu trên được thông qua và có hiệu lực;

- Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về TTATGT trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Các cơ quan thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan liên quan tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, nâng cao hiệu quả các loại hình tuyên truyền đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh và các địa phương. Đưa nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT vào sinh hoạt định kỳ của chi bộ đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; gắn việc xây dựng “văn hóa giao thông” vào nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Duy trì, củng cố, nâng cao, nhân rộng các mô hình hoạt động có hiệu quả về bảo đảm TTATGT. Xác định rõ việc chấp hành pháp luật về TTATGT là một tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, đơn vị, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, hội viên; là một tiêu chuẩn đánh giá đạo đức cuối năm của học sinh, sinh viên.

2.2. Tiếp tục triển khai thực hiện các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, như: Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 02/6/2015 về tăng cường các giải pháp cấp bách nhằm bảo đảm TTATGT trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/7/2016 về tăng cường các giải pháp cấp bách bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa trong tình hình mới; Chỉ thị số

10/CT-TTg ngày 19/4/2023 của về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong tình hình mới;...

2.3. Triển khai thực hiện hiệu quả các Quyết định, Kế hoạch trọng tâm của UBND tỉnh: Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 10/03/2023 về phòng, chống tai nạn giao thông do xe khách gây ra trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 16/05/2023 ban hành Kế hoạch tăng cường công tác bảo đảm TTATGT đường bộ trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 về việc ban hành Quyết định Chương trình hành động về thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ...

2.4. Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về TTATGT, quản lý hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải, quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, đăng ký, đăng kiểm phương tiện. Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tổ chức thanh tra, phát hiện, ngăn chặn, xử phạt vi phạm hành chính trong việc chấp hành các quy định về hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải tại các điểm dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm kiểm tra tải trọng xe, tại cơ sở kinh doanh vận tải đường bộ; tổ chức thanh tra, phát hiện, ngăn chặn, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, đăng ký, đăng kiểm phương tiện.

2.5. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, kết hợp với xây dựng mới các công trình giao thông theo hướng hiện đại, an toàn, ưu tiên các dự án ở các đầu mối giao thông của tỉnh.

2.6. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm về TTATGT, nhất là xử lý nghiêm đối với các phương tiện giao thông hết niên hạn sử dụng hoặc quá hạn kiểm định nhưng vẫn tham gia giao thông; xe chạy sai luồng tuyến theo phân luồng giao thông; xe chở quá tải trọng cho phép, quá số người quy định, vi phạm quy định về nồng độ, tốc độ...

2.7. Về cơ sở vật chất và bảo đảm nguồn lực thực hiện

Huy động tối đa mọi nguồn lực để bảo đảm thực hiện công tác đảm bảo TTATGT trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí để hoàn thiện hạ tầng giao thông cơ sở; xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, các điểm bất cập có nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông; trang bị thiết bị máy móc, trang bị bảo hộ cho lực lượng chuyên trách thực thi pháp luật bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh; xem xét điều kiện thực tiễn để bổ sung biên chế cho lực lượng chức năng chuyên trách về bảo đảm TTATGT.

II. KIẾN NGHỊ

1. Các nội dung kiến nghị đã nêu tại khoản 4 mục A, khoản 3 mục B, khoản 4 mục C, khoản 4 mục D và khoản 4 mục E thuộc phần II như đã nêu ở trên.

2. Đề nghị Quốc hội:

a) Sớm ban hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả về công tác đảm bảo TTATGT;

b) Sớm hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi để thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giao thông, thu hút rộng rãi các nguồn đầu tư trong và ngoài nước tham gia phát triển giao thông;

c) Quy định tỷ lệ phân bổ ngân sách Trung ương cho địa phương hàng năm tối thiểu 30% tổng số thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATGT ở địa phương để địa phương chủ động thực hiện các biện pháp bảo đảm TTATGT, như: chi cho các lực lượng khác, chi xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông ở địa phương,... *(vì hiện nay ngân sách Trung ương trích lại cho địa phương là rất ít, không đủ chi các hoạt động bảo đảm TTATGT ở địa phương).*

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chính sách pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định./.

Nơi nhận:

- Đoàn Giám sát – Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban ATGT tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Sở GTVT;
- Cảng HK Phù Cát;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Cty Đường sắt Nghĩa Bình, Phú Khánh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 1

BẢNG SỐ LIỆU TAI NẠN GIAO THÔNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)

Năm	Đường bộ (Từ ngày 01/7/2009 đến hết ngày 31/12/2023)			Đường sắt (Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2023)			Tổng		
	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương
2009	232	118	218				232	118	218
2010	1630	303	1994				1630	303	1994
2011	1413	272	1775				1413	272	1775
2012	876	272	970				876	272	970
2013	666	224	732				666	224	732
2014	496	201	497				496	201	497
2015	395	194	328				395	194	328
2016	349	188	254				349	188	254
2017	300	162	219				300	162	219
2018	259	150	181				259	150	181
2019	208	126	151	3	3		211	129	151
2020	188	124	103	2	3		190	127	103
2021	142	98	101	3	3		145	101	101
2022	417	261	299	6	7		423	268	299
2023	529	265	404	4	4		533	269	404
TỔNG CỘNG	8100	2958	8226	18	20	0	8118	2978	8226

Năm	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương
2009	244	275	114
2010	1641	315	1996
2011	1425	285	1775
2012	882	276	972
2013	677	234	735
2014	500	204	498

2015	402	199	333
2016	357	194	256
2017	308	170	225
2018	262	153	181
2019	211	129	151
2020	190	127	103
2021	145	101	101
2022	423	268	299
2023	533	269	404
TỔNG CỘNG	8.200	3.199	8.143

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO UBND TỈNH BAN HÀNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
1	Quyết định	34/2010/QĐ-UBND ngày 28/12/2010	Về việc ban hành định mức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong vận tải hành khách bằng xe ô tô buýt của Xí nghiệp vận tải khách công cộng Quy Nhơn thuộc Hợp tác xã Vận tải Bình Minh	28/12/2010
2	Quyết định	27/2011/QĐ-UBND ngày 01/9/2011	Về Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2012-2015 trên địa bàn tỉnh	01/09/2011
3	Quyết định	32/2011/QĐ-UBND ngày 06/10/2011	Về việc Ban hành Lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bình Định	06/10/2011
4	Quyết định	04/2012/QĐ-UBND ngày 15/2/2012	Ban hành quy định về phạm vi, sử dụng, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đầu nối đường nhánh vào hệ thống đường địa phương, bảo đảm giao thông và ATGT khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác, thẩm định và thẩm tra ATGT đường bộ đối với hệ thống đường địa phương	15/02/2012
5	Quyết định	20/2012/QĐ-UBND ngày 22/6/2012	Ban hành quy định về quản lý, sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh	22/06/2012
6	Quyết định	37/2012/QĐ-UBND ngày 15/10/2012	Về việc quy định cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô để thanh toán cước vận chuyển hàng hóa, tài sản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh	15/10/2012

7	Quyết định	04/2013/QĐ-UBND ngày 02/4/2013	Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 15/02/2012 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định về phạm vi, sử dụng, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đầu nối đường nhánh vào hệ thống đường địa phương, bảo đảm giao thông và ATGT khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác, thẩm định và thẩm tra ATGT đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh	02/04/2013
8	Quyết định	09/2013/QĐ-UBND ngày 13/5/2013	Về việc ban hành Quy định quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bình Định	13/05/2013
9	Quyết định	39/2013/QĐ-UBND ngày 21/12/2013	Về việc sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh	21/12/2013
10	Quyết định	35/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014	Về việc điều chỉnh định mức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong vận tải hành khách bằng xe ô tô buýt của Xí nghiệp vận tải khách công cộng Quy Nhơn thuộc Hợp tác xã vận tải Bình Minh	23/12/2014
11	Quyết định	60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016	Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định	25/11/2016
12	Quyết định	47/2017/QĐ-UBND ngày 26/7/2017	Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định	26/07/2017
13	Quyết định	02/2018/QĐ-UBND ngày 17/01/2018	Ban hành Quy định về quản lý, bảo trì đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	17/01/2018
14	Quyết định	46/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh.	10/10/2018

15	Quyết định	57/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018	Quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự ATGT trên địa bàn tỉnh Bình Định	07/12/2018
16	Quyết định	34/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	Về việc bổ sung cơ chế hỗ trợ đối với các huyện miền núi vào Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh	19/07/2019
17	Quyết định	71/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh quy định một số mức chi cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh	19/12/2019
18	Quyết định	72/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019	Về việc cơ chế hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025	19/12/2019
19	Quyết định	82/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	Ban hành Quy định quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định	31/12/2019
20	Quyết định	12/2020/QĐ-UBND ngày 07/4/2020	Về việc điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí áp dụng đối với dịch vụ công ích vận tải khách công cộng bằng xe Buýt trên địa bàn tỉnh	07/04/2020
21	Quyết định	61/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020	Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định	04/09/2020
22	Quyết định	69/2020/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	Về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh	21/10/2020
23	Quyết định	70/2020/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	Ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về quản lý, sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của UBND tỉnh Bình Định	27/10/2020
24	Quyết định	94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	Ban hành chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	28/12/2020

25	Quyết định	15/2021/QĐ-UBND ngày 19/4/2021	Bãi bỏ Quyết định số 82/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định	19/04/2021
26	Quyết định	43/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh.	05/08/2022
27	Quyết định	Quyết định 89/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	Về việc bổ sung một số nội dung vào điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh định mức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong vận tải hành khách bằng xe ô tô buýt của Xí nghiệp vận tải khách công cộng Quy Nhơn thuộc Hợp tác xã vận tải Bình Minh.	27/12/2022